

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/05/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM	7:25	11	0		11	0	
2		DD8+P9	7:25	13+9	0+0		11+11	0+0	
3		P10+RP1+TD3	7:25	20+0+2	0+0+0		9+2+11	0+0+0	
4		BK5+P2+BK3	7:25	4+10+8	0+0+0		0+12+10	0+0+0	
5		P2+DD8	9:25	13+9	0+0		9+12	0+0	
6		P5+P9+C10	9:25	0+11+10	0+0+0		1+7+14	0+0+0	
7		P11+TD1	9:25	12+11	0+0		12+10	0+0	
8		TTC2+P10+BK8	11:25	11+9+1	0+0+0		0+18+4	0+0+0	
9		BK10+P9+BK15	11:25	10+4+6	0+0+0		6+8+8	0+0+0	
10		MRM	11:30	10	0		11	0	

TTBDSX

Примечание:

Иностранцам иметь при себе паспорта для предъявления погранслужбе в аэропорту"



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/05/2017	TO: MRM	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:27
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LBinh - TTrung - Luy - Đ.Tùng	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	AKHMADULIN	MRM	13	1	5		75	KHOAN	Russian
2	LE QUANG TẠO	MRM	19-20	2	16		65	HALLIBUR	Vietnamese
3	ZAKHAROV	MRM	11	1	5		123	KHOAN	Russian
4	KUDABAEV	MRM	16	1	7		80	KHOAN	Russian
5	LIAKHNOVICH	MRM	15	1	5		78	KHOAN	Russian
6	ZORIN	MRM	18	1	9		78	KHOAN	Russian
7	GILEMKHANOV	MRM	17	1	10		80	KHOAN	Russian
8	KADATOV	MRM	14	1	10		70	KHOAN	Russian
9	CHISCHIAKOV	MRM	10	1	7		131	KHOAN	Russian
10	ILMELTIEV	MRM	12	1	4		65	KHOAN	Russian
11	SAPRYGIN	MRM					134	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	11	11	78	979	0	11		
TOTAL		11	11	78	979	0	11		
WEIGHT KG				78	979	0			

GRAND TOAL: 1.057 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/05/2017	TO: P10 - RP1 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - PTUẤN	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HÙNG MÊN	P10	38	1	7		64	YTE	Vietnamese
2	EVSEEV O.V.	P10	36	1	7		93	KHAITHAC	Russian
3	BADIKOV M.F.	P10	39	1	8		70	KHAITHAC	Russian
4	IVANOV V.V.	P10	56	1	7		117	KHAITHAC	Russian
5	TRẦN KIM NGỌC	P10	33	1	7		67	KHAITHAC	Vietnamese
6	ĐO HỮU NAM	P10	54	1	6		67	KHAITHAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THÈ HÙNG	P10					77	KHAITHAC	Vietnamese
8	PHAM HUYNH VU	P10	59	1	10		70	KHAITHAC	Vietnamese
9	TRẦN TAM NHÂN	P10	55	1	5		84	KHAITHAC	Vietnamese
10	NGUYỄN KHANH TOAN	P10	40	1	12		74	KHAITHAC	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	35	1	10		69	KHAITHAC	Vietnamese
12	TRẦN TRỌNG MẠNH	P10	34	1	3		64	KHAITHAC	Vietnamese
13	TRẦN HỮU TRI	P10	57	1	7		68	KHAITHAC	Vietnamese
14	TRỊNH THANH BÌNH	P10	96	1	7	54	73	KHAITHAC	Vietnamese
15	HUYNH BA NINH	P10	998	1	5		57	KHAITHAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	P10	58	1	7		65	KHAITHAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN BIỂU	P10	53	1	3		59	KHAITHAC	Vietnamese
18	LUYỄN VĂN THIỆU	P10	97	1	13		77	KHAITHAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NAM	P10	37	1	7		90	KHAITHAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THĂNG	P10	41	1	3		55	KHAITHAC	Vietnamese
21	LE PHU PHUC	TD3	57	1	9		88	VSP	Vietnamese
22	PHAM VAN CUONG	TD3	58-59	2	12		77	VSP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	20	19	134	1.460	54	9		
2	RP1	0	0	0	0	15	2		
3	TD3	2	3	21	165	0	11		
TOTAL		22	22	155	1.625	69	22		
WEIGHT KG				155	1.625	69			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31-May-17	TO: DD8 - P9	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hòì - Hải - THỤ	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EDWARD CUFFE	DD8	02	1	10		115	KHOAN	British
2	FELIX FEDERIK GERSEN	DD8	04-05	2	12		127	KHOAN	Dutch
3	MIKA BARNBASS	DD8	03	1	10		98	KHOAN	Malaysian
4	GEORGE MONU	DD8	09-10	2	11		72	KHOAN	Indian
5	NEELAKANTAN	DD8	11	1	6		65	KHOAN	Indian
6	DANG MINH TUAN	DD8	01	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
7	SANDY WULAN	DD8	07	1	6		76	KHOAN	Indonesian
8	TOTONG VERNIDAND	DD8	06	1	8		84	KHOAN	Indonesian
9	STEVEN MOUREETS	DD8	08	1	5	20	56	KHOAN	Indonesian
10	PURWOKO	DD8	12-13	2	10		60	KHOAN	Indonesian
11	TRAN ANH TU	DD8	16	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
12	BUI TRONG TOAN	DD8	14	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN BINH DAN	DD8	15	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
14	HỒ ĐỨC HIEN	P9	47	1	9		52	YTE	Vietnamese
15	NGUYEN MANH CUONG	P9	04	1	8		98	KHAITHAC	Vietnamese
16	VŨ VĂN ĐAI	P9	48	1	3		64	KHAITHAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN QUẾ	P9	03	1	4		75	KHAITHAC	Vietnamese
18	PHAM KHAC SOAT	P9	09	1	10		54	KHAITHAC	Vietnamese
19	BUI NGOC LONG	P9	01	1	4	70	70	KHAITHAC	Vietnamese
20	LÊ TAM THUY	P9	02	1	5		77	KHAITHAC	Vietnamese
21	ĐẠO VIỆT HẢI	P9	50	1	5		73	KHAITHAC	Vietnamese
22	LÊ LANG TU	P9	49	1	7		64	KHAITHAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	DD8	13	16	103	1.020	20	11		
2	P9	9	9	55	627	70	11		
TOTAL		22	25	158	1.647	90	22		
WEIGHT KG				158	1.647	90			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31-May-17	TO: BK5 - P2 - BK3	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Vận - T.Hiếu - THẢO	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG QUỐC VIÊN	BK5	62	1	4		73	KHAITHAC	Vietnamese
2	VŨ ĐÌNH THUẬN	BK5	60	1	10		61	KHAITHAC	Vietnamese
3	THAI HOANG TAM	BK5	61	1	7		72	KHAITHAC	Vietnamese
4	ĐỖ HỮU ĐỨC	BK5	500	1	6		79	KHAITHAC	Vietnamese
5	VƯƠNG VĂN LONG	P2	09	1	10		70	YTE	Vietnamese
6	ПАРИШИИ В.П.	P2	04	1	14		86	KHAITHAC	Russian
7	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	03	1	9		68	KHAITHAC	Vietnamese
8	HOANG QUỐC BẢO	P2					62	KHAITHAC	Vietnamese
9	PHAN ANH ĐỨC	P2	06	1	4	30	66	KHAITHAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	P2					77	KHAITHAC	Vietnamese
11	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	02	1	5		69	KHAITHAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					70	KHAITHAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐẠO	P2	01	1	7		57	KHAITHAC	Vietnamese
14	HOANG HUY HOANG	P2	05	1	4		69	KHAITHAC	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN TỰ	BK3					80	KHAITHAC	Vietnamese
16	TRẦN CHAU NAM	BK3	69	1	6		82	KHAITHAC	Vietnamese
17	ĐỖ TUÂN VIỆT	BK3	66-68	3	16		68	KHAITHAC	Vietnamese
18	BUI ĐỨC THUẬN	BK3	65	1	7	20	68	KHAITHAC	Vietnamese
19	MAI VĂN SANG	BK3				20	61	CODIEN	Vietnamese
20	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	BK3	62-63	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC MẠN	BK3	64	1	11		61	PSV	Vietnamese
22	MAI VĂN TOÀN	BK3	61	1	9		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	4	4	27	285	0	0		
2	P2	10	7	53	694	30	12		
3	BK3	8	9	64	547	40	10		
TOTAL		22	20	144	1.526	70	22		
WEIGHT KG				144	1.526	70			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/05/2017	TO: P11 - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hồi - Hải - THỤ	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO MINH HOANG	P11	56	1	8		76	KHAITHAC	Vietnamese
2	HOANG MANH CUONG	P11					60	KHAITHAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG NHAT MINH	P11	58-59	2	14	47	72	KHAITHAC	Vietnamese
4	PHAN CONG HOANG	P11	55	1	10		70	KHAITHAC	Vietnamese
5	MAI CONG LAN	P11	53	1	5		66	KHAITHAC	Vietnamese
6	TRAN VAN CO	P11	52	1	3		55	KHAITHAC	Vietnamese
7	BUI VAN TUAN	P11					50	KHAITHAC	Vietnamese
8	NGO MANH HUNG	P11	60	1	10		71	KHAITHAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN SINH	P11	57	1	7		75	KHAITHAC	Vietnamese
10	LE HAI HOA	P11	65	1	10		70	KHAITHAC	Vietnamese
11	TRAN MINH BACH	P11	54	1	7		60	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HIEN	P11	51	1	2		72	PSV	Vietnamese
13	PHAM THE VINH	TD1	16-17	2	13		102	XAYLAP	Vietnamese
14	LE KHAC PHUONG	TD1	10	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
15	LE VAN BAY	TD1	09	1	12		55	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN BO	TD1	06	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC ANH	TD1	08	1	9		76	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN DUY PHUONG	TD1	07	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
19	DO XUAN THAO	TD1	13	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TRANG	TD1	11-12	2	11		65	XAYLAP	Vietnamese
21	DO HONG VAN	TD1	14-15	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
22	DOAN DANG TAN PHONG	TD1	18-19	2	15	37	70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	12	11	76	797	47	12		
2	TD1	10	14	124	697	37	10		
TOTAL		22	25	200	1.494	84	22		
WEIGHT KG				200	1.494	84			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31-May-17	TO: P2 - DD8	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: MI	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - PTUẤN	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BIÊN ĐĂNG SÂM	P2	15	1	3		63	KHAITHAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH UT	P2	12	1	9		85	KHAITHAC	Vietnamese
3	TRƯỜNG THẾ VINH	P2	16	1	5		70	KHAITHAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THẾ KHUÔNG	P2	10	1	9		70	KHAITHAC	Vietnamese
5	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	18	1	6		60	KHAITHAC	Vietnamese
6	ĐẶNG QUANG TÊ	P2	17	1	8		60	KHAITHAC	Vietnamese
7	TÔ ĐÌNH TUYẾN	P2	19	1	3		70	KHAITHAC	Vietnamese
8	HOÀNG MINH QUÂN	P2					65	KHAITHAC	Vietnamese
9	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	P2	20	1	8		58	KHAITHAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CHI HƯƠNG	P2	21	1	5		70	KHAITHAC	Vietnamese
11	PHẠM LÊ DUƠNG	P2	14	1	5		78	KHAITHAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TUNG DUƠNG	P2	13	1	12		65	ANTOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN ĐỨC	P2	11	1	8		75	TT	Vietnamese
14	NGUYỄN HOÀNG ANH DỪNG	DD8	22	1	15		72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN CUƠNG	DD8	23-24	2	15		63	KHOAN	Vietnamese
16	TRỊNG XUAN TUNG	DD8	25	1	11		63	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM DINH THANG	DD8	26	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
18	WACHARAPONG NIMNOUL	DD8	18-19	2	18	5	110	KHOAN	Thailand
19	NGUYỄN MINH TUNG	DD8	20	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC KHÔI	DD8	21	1	12		73	KHAITHAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	13	12	81	889	0	10		
2	DD8	7	9	86	511	5	12		
TOTAL		20	21	167	1,400	5	22		
WEIGHT KG				167	1,400	5			

GRAND TOAL: 1.572 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/05/2017	TO: P5 - P9 - CLO	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Vận - T.Hiếu - THẢO	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẬU THỂ HAI	P9	17	1	4		79	KHAITHAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	96	1	2		71	KHAITHAC	Vietnamese
3	TRỊNH THỂ NHAN	P9	98	1	8	18	75	KHAITHAC	Vietnamese
4	VU DANG HOANG	P9	300	1	4		66	KHAITHAC	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN HUƠNG	P9	95	1	5		55	KHAITHAC	Vietnamese
6	HUA SAY	P9	97	1	5		60	KHAITHAC	Vietnamese
7	PHAN XUÂN HỢP	P9	91	1	4		58	KHAITHAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN VƯỢNG	P9	93	1	3		60	KHAITHAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIỆU	P9	99	1	7		72	KHAITHAC	Vietnamese
10	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	92	1	4		68	KHAITHAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	94	1	2		70	KHAITHAC	Vietnamese
12	BUI VĂN THIÊN	CLO	13-14	2	17		92	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HẠM HÀ	CLO	17	1	5	40	65	DIAPLY	Vietnamese
14	VŨ VĂN CƯỜNG	CLO	12	1	5		84	KHAITHAC	Vietnamese
15	CAO TIẾN SƠN	CLO	11	1	3		62	KHAITHAC	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN TRƯỞNG	CLO	15	1	7		64	KHAITHAC	Vietnamese
17	BUI THỂ DƯƠNG	CLO	08	1	9		62	KHAITHAC	Vietnamese
18	HỒ VĂN ĐỨC	CLO	07	1	4		67	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TUẤN	CLO	09	1	4		74	PSV	Vietnamese
20	LÊ CHÍ CƯỜNG	CLO	16	1	5	35	51	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH GIÀU	CLO	10	1	2		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	0	0	0	0	0	1		
2	P9	11	11	48	734	18	7		
3	CLO	10	11	61	686	75	14		
TOTAL		21	22	109	1.420	93	22		
WEIGHT KG				109	1.420	93			

GRAND TOAL: 1.622 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/05/2017	TO: TTC2 - P10 - BK8	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - THỤ	ETA: 13:10
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TÂN NHÂN	TTC2	79	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ VĂN SINH	TTC2	71	1	3		55	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN ĐỨC NGUYỄN	TTC2	75-76	2	13		57	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ VĂN KHA	TTC2	74	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ HOANG SƠN	TTC2	72-73	2	12		71	XAYLAP	Vietnamese
6	DƯƠNG VĂN TUYỀN	TTC2	80	1	14		90	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐÌNH HÀ LAN	TTC2	83	1	14	40	65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN GIAO	TTC2	77-78	2	17		59	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN CHUNG	TTC2	70	1	20		65	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN THOONG	TTC2	68-69	2	17		53	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN MINH TÀI	TTC2	81-82	2	9		65	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐO ĐÌNH H VÂN	P10	56	1	4		69	KHAITHAC	Vietnamese
13	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	53	1	4		80	KHAITHAC	Vietnamese
14	HUYNH CÔNG VĂN	P10	58	1	8		77	KHAITHAC	Vietnamese
15	ĐO LỆNH ĐẠO	P10					84	KHAITHAC	Vietnamese
16	PHAN HỒNG LINH	P10	55	1	5		62	KHAITHAC	Vietnamese
17	TRẦN ANH TUÂN	P10	57	1	6		67	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN MINH	P10	54	1	4		70	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN HỮU THANH	BK8	76	1	10		60	KHAITHAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	11	16	139	721	40	0		
2	P10	7	6	31	509	0	18		
3	BK8	1	1	10	60	0	4		
TOTAL		19	23	180	1.290	40	22		
WEIGHT KG				180	1.290	40			

GRAND TOAL: 1.510 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31-May-17	TO: MRM	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:05
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - Năm -	ETA: 14:15
XANH-2		Trưởng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHERNYKH	MRM	09	1	7		90	KHOAN	Russian
2	PIMAKIN	MRM	27	1	6		104	KHOAN	Russian
3	UZINSEV	MRM	30	1	7		85	KHOAN	Russian
4	BORIDKO	MRM	23	1	4		100	KHOAN	Russian
5	KHARCHENKO	MRM	28	1	3		82	KHOAN	Russian
6	PHILATOV	MRM	29	1	8		120	KHOAN	Russian
7	TẠ THAI DƯƠNG	MRM	24	1	4		51	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM QUỐC VIỆT	MRM	25-26	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
9	FILATOV	MRM	22	1	5		101	KHOAN	Russian
10	LÊ MẠNH HÙNG	MRM	21	1	10		74	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	10	11	69	882	0	11		
	TOTAL	10	11	69	882	0	11		
	WEIGHT KG			69	882	0			

GRAND TOAL: 951 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31-May-17	TO: BK10 - P9 - BK15	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: MI	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH HÙNG	BK10	39	1	15		82	KHAITHAC	Vietnamese
2	SHENSHIN D.	BK10	35	1	4		103	KHAITHAC	Russian
3	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	44	1	4		63	KHAITHAC	Vietnamese
4	TÔNG TRUNG HUY	BK10	41	1	5	40	75	KHAITHAC	Vietnamese
5	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	BK10	37	1	5		63	KHAITHAC	Vietnamese
6	TẠ VĂN VIỆT	BK10	38	1	8		76	KHAITHAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN KHUÔNG	BK10	36	1	5		70	KHAITHAC	Vietnamese
8	CHU TUẤN ANH	BK10	40	1	8		58	CODIEN	Vietnamese
9	LÊ BÀ TU	BK10	43	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
10	ĐẶNG NHẬT ANH	BK10	42	1	7		63	PSV	Vietnamese
11	TRẦN ĐÀ KHA	P9	54	1	4		80	KHAITHAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	55	1	5		70	KHAITHAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN CHUÔNG	P9	53	1	11		50	KHAITHAC	Vietnamese
14	SOPANOV A.V	BK15	75	1	17		95	KHAITHAC	Russian
15	HỒ NGHĨA TÀI	BK15	94	1	3		65	KHAITHAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC BA	BK15	63	1	6	20	80	KHAITHAC	Vietnamese
17	LƯU TIẾN THÀNH	BK15	91	1	5		75	KHAITHAC	Vietnamese
18	PHAN QUANG HÙNG	BK15	92-93	2	18		55	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	10	10	71	723	40	6		
2	P9	3	3	20	200	0	8		
3	BK15	5	6	49	370	20	8		
TOTAL		18	19	140	1.293	60	22		
WEIGHT KG				140	1.293	60			

GRAND TOAL: 1.493 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN